

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS-ST

Ngày 28 tháng 9 năm 2020

V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Hồ Hải Thành

Bà Võ Thị Phương

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Trà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Cù Thị Mỹ C**, sinh năm: 1959

Trú tại: Tổ 02 thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Trần Văn D**, sinh năm: 1976

và bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1987

Cùng trú tại: 29 đường T, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Cù Thị Mỹ C trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 18/12/2018 (âm lịch), bà Cù Thị Mỹ C có cho ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị H vay số tiền 50.000.000 đồng để

mua H, cây quất cảnh bán tết. Vào ngày 24/12/2018 (âm lịch) bà có cho ông D, bà H mượn thêm 20.000.000 đồng, tổng cộng là 70.000.000 đồng. Hợp đồng cho vay không tính lãi. Khi mượn ông D bà H có viết giấy mượn tiền, thỏa thuận miệng sau tết sẽ trả nợ cho bà, tuy nhiên trong giấy mượn tiền thì không ghi kỳ hạn trả nợ. Thực hiện hợp đồng bà đã giao cho ông D bà H đủ số tiền 70.000.000 đồng. Sau đó, ông D trả cho bà được 20.000.000 đồng tiền gốc, còn 50.000.000 đồng tiền gốc cho đến nay vẫn chưa trả mặc dù bà nhiều lần liên hệ bằng điện thoại, đến nhà ông D bà H để thu hồi nợ. Thời gian ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị H trễ hạn thanh toán cho bà từ khi vay cho đến nay đã lâu, gây rất nhiều khó khăn cho bà, trong khi đó bà là người cao tuổi, sức yếu phải đi lại nhiều lần để đòi nợ, do vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị H phải thanh toán nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà yêu cầu ông D bà H thanh toán số tiền gốc 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc quá hạn với mức lãi suất 10%/01 năm, tương đương 0,83%/01 tháng, tính lãi từ tháng 10/2019 đến hết tháng 8/2020, tổng cộng 11 tháng, làm tròn là 4.500.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 54.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Cù Thị Mỹ C rút yêu cầu về việc tính lãi, chỉ yêu cầu ông D bà H thanh toán số tiền gốc 50.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên ông bà vẫn vắng mặt, không có ý kiến.

-Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại khoản 5 Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được

Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đã không chấp hành các quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cù Thị Mỹ C, buộc ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Cù Thị Mỹ C số tiền gốc là 50.000.000 đồng, đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi do bà C rút yêu cầu tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị H cư trú tại phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Bị đơn ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử vắng bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 18/12/2018, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở xác định ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị H có vay của bà Cù Thị Mỹ C số tiền 50.000.000 đồng, hợp đồng lập bằng văn bản, hai bên không xác định kỳ hạn trả nợ và lãi suất, do vậy là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự. Việc ký kết hợp đồng vay là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội

dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị H để giải quyết vụ án nhưng ông bà vẫn vắng mặt không có lý do, việc ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị H không đến Tòa án trình bày ý kiến phản đối, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa cho thấy ông bà đã từ bỏ quyền chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3]. Đối với khoản tiền gốc, đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản vào bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên kia biết một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Bà Cù Thị Mỹ C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh bà đã gửi thông báo cho ông D và H biết việc bà chấm dứt cho vay thu hồi nợ tuy nhiên bà trình bày đã nhiều lần nhắc nhở thu hồi nợ bằng điện thoại, đến nhà nhưng ông D và H cố tình không trả, đến khi nộp đơn khởi kiện tại Tòa án bà đã gửi kèm bản sao hồ sơ khởi kiện cho ông D và H biết có biên lai gửi bưu điện cung cấp cho Tòa án. Do đó, bà Cù Thị Mỹ C yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị H phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc 50.000.000đ đồng là có cơ sở, đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cù Thị Mỹ C đối với khoản tiền gốc.

[2.4]. Đối với yêu cầu trả tiền lãi, tại phiên tòa bà Cù Thị Mỹ C rút yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc quá hạn là 4.500.000 đồng, xét thấy việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện về tiền lãi.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí tranh chấp dân sự có giá

ngạch trên số tiền phải trả; Bà Cù Thị Mỹ C là người cao tuổi, có đơn xin miễn tạm ứng án phí nên được miễn tạm ứng án phí.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[5]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của bà Cù Thị Mỹ C đối với ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho bà Cù Thị Mỹ C số tiền gốc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) theo Giấy mượn tiền ngày 18/12/2018.

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc trả tiền lãi trên số nợ gốc quá hạn là 4.500.000 đồng của bà Cù Thị Mỹ C đối với ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị H.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng)

Bà Cù Thị Mỹ C là người cao tuổi được miễn tạm ứng án phí.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng